



ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THÔNG TIN SỐ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HOÀ ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bùi Thị Thanh Diệu, Huỳnh Thị Bích Phụng

Trường Đại học Khánh Hòa

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích và nhận diện các yếu tố năng lực thông tin số của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học. Trong bài viết có sử dụng phương pháp khảo sát và phân tích định lượng để đánh giá năng lực thông tin số của sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa. Trên cơ sở đó thảo luận và đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng, phát triển năng lực thông tin số cho sinh viên để chuẩn bị tốt nhất cho mục tiêu chuyển đổi số giáo dục đại học của nhà trường.

Từ khoá: Năng lực thông tin; năng lực thông tin số; chuyển đổi số; giáo dục đại học; Đại học Khánh Hòa

1. Giới thiệu

Chuyển đổi số (digital transformation) là khái niệm được nhắc đến nhiều trong những năm gần đây. Năm 2020, Thủ tướng chính phủ đã ký quyết định phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó nêu rõ: “Giáo dục là một trong những lĩnh vực cần được ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trước tiên, bởi giáo dục là một lĩnh vực có tác động xã hội liên quan trực tiếp và hàng ngày tới người dân” [6]. Mục tiêu của chuyển đổi số trong giáo dục là phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. Để đáp ứng các mục tiêu chuyển đổi số trong môi trường giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng, việc hình thành năng lực số trong đó bao gồm năng lực thông tin số của sinh viên, có vai trò quan trọng trong sự phát triển của mỗi nhà trường. Đặt mình trong bối cảnh chuyển đổi số của toàn hệ thống giáo dục đại học và kết hợp với những mục tiêu và yêu cầu đề ra trong quá trình chuyển đổi số tại nhà trường, Trường Đại học Khánh Hòa đã và đang từng bước tiếp cận và hoàn thiện các quy trình số hóa và chuyển đổi công nghệ số trong các hoạt động giáo dục của nhà trường. Trong đó, việc phát triển năng lực thông tin số cho sinh viên cũng đã nhận được sự quan tâm nghiên

cứ, triển khai trên thực tế và đã thu được những hiệu quả nhất định.

2. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

Để đánh giá năng lực thông tin số của sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa, nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát và phân tích định lượng và được thực hiện bằng hình thức trực tuyến, nhằm xác định mức độ hiện tại của năng lực thông tin số của sinh viên theo các thành phần năng lực thông tin số đã được xác định trong khung lý thuyết nghiên cứu. Bảng câu hỏi được thiết kế thành 3 phần: Phần I bao gồm các câu hỏi kiểm tra mức độ nhận thức của sinh viên về các năng lực thông tin số; Phần II kiểm tra kiến thức thông tin số của sinh viên qua các bài tập thực nghiệm về các năng lực thông tin số và Phần III là các câu hỏi thu thập thông tin cá nhân của mẫu nghiên cứu.

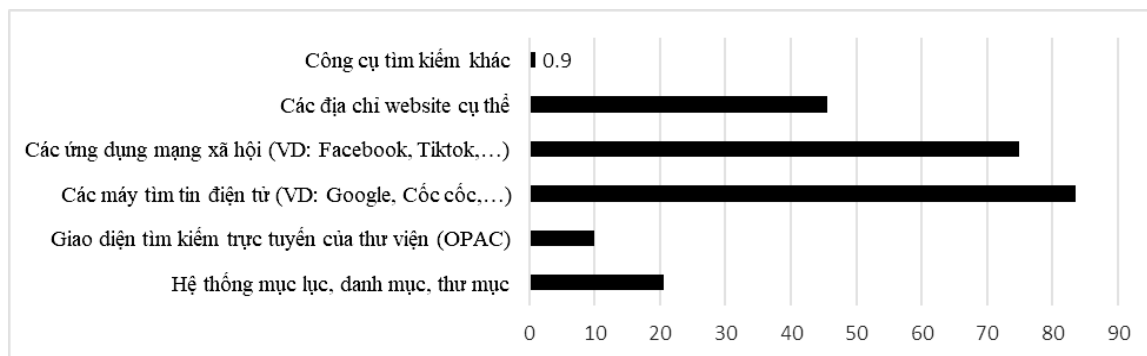
Bảng câu hỏi được tạo bằng cách sử dụng công cụ Google Biểu mẫu và được phân phối cho 395 sinh viên của 04 khoa trực thuộc Trường Đại học Khánh Hòa (Khoa Du lịch, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Sư phạm). Trong đó, tỉ lệ sinh viên Khoa Du lịch chiếm 41,1%; Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn chiếm 28,4%; Khoa Ngoại ngữ chiếm 20,6%; Khoa Sư phạm 9,9%. Đây là tỉ lệ phù hợp với kích thước chọn mẫu dựa trên số lượng sinh viên của từng Khoa trên thực tế. Trong 395 sinh viên tham gia khảo sát, sinh viên năm 2 chiếm đa số (46,2%), sau đó đến năm 3 (33,5%) và sinh viên năm 4 (19,5%). Sự khác nhau giữa các ngành học và khoá học sẽ

giúp nghiên cứu tìm ra được sự khác biệt trong nhận thức về các vấn đề thông tin số giữa sinh viên các ngành và các khoá.

2.1. Về năng lực nhận diện và truy xuất thông tin số

Kỹ năng nhận diện thông tin số là điều kiện quan trọng để sinh viên có thể hướng tới việc tìm kiếm và tiếp cận thông tin số hiệu quả. Kết quả thu được từ các câu trả lời của sinh viên về hình thức và nội dung thông tin số mà sinh viên muốn tiếp cận thường là các “thông tin về ngành nghề đào tạo” (75,4%); “thông tin về văn hoá xã hội” (61%); “thông tin giáo dục” (51,5%); “thông tin y tế” (41,5%);... và thường là sinh

viên tiếp cận thông tin dưới dạng các tài liệu, cơ sở dữ liệu điện tử được truy xuất từ các phương tiện truy cập số như: “Máy tìm tin điện tử” (83,5%); “Các ứng dụng mạng xã hội” (74,9%);... (xem Hình 2). Bên cạnh đó việc tìm kiếm thông tin số qua hệ thống OPAC – giao diện tìm kiếm trực tuyến của thư viện được rất ít sinh viên chú ý và sử dụng. Vì vậy, thư viện cần xem xét và đẩy mạnh hơn các hoạt động tiếp thị và giới thiệu kênh thông tin số của mình tới sinh viên để thu hút sự quan tâm của sinh viên tới dịch vụ tìm tin trực tuyến và nguồn học liệu số của nhà trường.

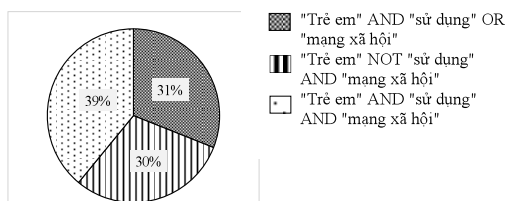


Hình 1. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ sử dụng các công cụ tìm kiếm thông tin của sinh viên

Năng lực nhận diện và truy xuất thông tin số của sinh viên còn thể hiện qua câu trả lời thực nghiệm, nhiều sinh viên đã biết xác định chủ đề, từ khóa phù hợp với các khía cạnh liên quan đến vấn đề mình quan tâm. Với câu hỏi: “Các biện pháp phục hồi ngành du lịch tại Việt Nam sau đại dịch Covid 19”, đã có tới 61% sinh viên xác định đúng các từ khóa chính của yêu cầu, 39% còn lại vẫn chưa biết cách lọc từ khóa, chọn từ khóa chuẩn và bỏ các từ nối. Quá trình xác định từ khóa chuẩn sẽ giúp cho các thông tin truy xuất ra trùng và đúng với yêu cầu tin, tránh được các hiện tượng nhiễu tin. Với câu hỏi xác định chủ đề: “Nghiên cứu hiện tượng bắt nạt ảo trên mạng xã hội đối với sinh viên ở thành phố Nha Trang”, có 70,6% sinh viên đã xác định đúng chủ đề thông tin cần tìm kiếm của mình và số còn lại là vẫn chưa bao quát hết chủ đề hoặc sử dụng đáp án có cụm chủ đề chưa rõ ràng.

Sau khi sinh viên đã xác định được yêu cầu tin của mình và xác định được nguồn tra cứu thì lựa chọn một công cụ tra cứu phù hợp là quan trọng và cần thiết. Khảo sát về mức độ hài lòng với kết quả tìm kiếm thông tin số có tới 57,8% sinh viên khẳng định mình luôn luôn tìm được thông tin như mong muốn, số còn lại rơi vào các tần suất “thỉnh thoảng” (25,5%), “tìm được nhưng không đầy đủ nội dung” và “hiếm khi”

(4%). Kết quả này phản ánh trong quá trình tìm kiếm thông tin, nhiều sinh viên chưa biết sử dụng cách thức tìm kiếm nâng cao để nâng chất lượng kết quả tìm kiếm của mình. Ví dụ trong câu hỏi về tìm thông tin “sản phẩm du lịch đặc thù ở Nha Trang” nhiều sinh viên chưa biết xác định từ khóa chủ đề (58,2%), chưa biết sử dụng hệ thống kí tự để thu hẹp phạm vi tìm kiếm (28,4%) và chỉ có 16,5% trả lời đúng câu hỏi. Một câu hỏi khác kiểm tra mức độ xây dựng chiến lược tìm tin của sinh viên về: “Viết biểu thức tìm tin để tìm tài liệu cho yêu cầu tin: “Trẻ em có nên sử dụng mạng xã hội không?”” thì kết quả thu về chỉ 39% đáp án chọn đúng câu trả lời sử dụng toán tử “AND” cho chiến lược tìm kiếm của mình (Hình 2).



Hình 2. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ lựa chọn toán tử tìm kiếm thông tin số của sinh viên

Như vậy có thể thấy trong quá trình tìm kiếm thông tin trong môi trường số, hầu hết sinh viên vẫn sử dụng phương thức tìm kiếm đơn giản, chưa quan tâm tới cách biểu thức tìm tin nâng cao dẫn đến không biết sử dụng các toán tử, kí hiệu và cú pháp tìm tin để lọc kết quả tìm kiếm. Thậm chí nhiều sinh viên khi trả lời câu hỏi về việc xác định công cụ tìm kiếm thông tin còn nhầm lẫn giữa trình duyệt web và máy tìm tin. Số sinh viên được khảo sát cho rằng các trình duyệt Google Chrome (77,5%), Safari (41,3%) là các công cụ tìm tin vẫn chiếm tỉ lệ cao. Trên thực tế, những sinh viên biết sử dụng các chiến lược tìm kiếm thông tin linh hoạt sẽ mang lại kết quả tìm như mong muốn, họ biết cách chọn lọc thông tin và đưa ra giới hạn tìm chính xác, hiệu quả nhất. Với mức độ đáp ứng nhu cầu tin còn ở tỉ lệ trung bình (50,8%), đòi hỏi cần phải có một kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng về thông tin cho sinh viên, hướng tới mục tiêu tiếp cận, khai thác và sử dụng thông tin số một cách hiệu quả hơn.

2.2. Năng lực đánh giá thông tin số

Trong môi trường số tình trạng nhiễu tin, sai lệch thông tin và thông tin sai sự thật đang trở thành một vấn nạn. Tần suất các dạng thông tin này xuất hiện trên mạng ngày càng nhiều, chính vì vậy mặc dù thường xuyên tiếp xúc với các thông tin giả nhưng sinh viên đã có những kĩ năng nhất định trong việc nhận dạng tin giả. Kết quả khảo sát đã chỉ ra sinh viên đã có những kỹ năng nhất định trong việc đánh giá chất lượng thông tin. Trong đó có các tiêu chí quan trọng như: “Cơ quan, tổ chức công bố” (59,1%); “được trích dẫn trong các tài liệu khác” (13,2%); “uy tín của tác giả”,... tuy nhiên vẫn có nhiều lựa chọn thiên về các yếu tố: “Có kèm ảnh minh họa” (19,2%); “số trang” (2,9%);... đây là những yếu tố ít được đưa ra trong tiêu chí đánh giá độ tin cậy của thông tin.

Để có được một thông tin tốt và phù hợp cần đánh giá và so sánh thông tin từ các nguồn khác nhau theo phương diện: chất lượng; mức độ phù hợp, giá trị thông tin, độ chính xác, bản quyền, mức độ cập nhật,... Ví dụ, để đánh giá theo phương diện giá trị thông tin, cần dựa vào các tiêu chí như: tác giả, nội dung tài liệu. Để đánh giá độ tin cậy của thông tin cần dựa trên tiêu chí nhà xuất bản, người cung cấp thông tin; hay để đánh giá mức độ cập nhật của thông tin cần bám vào tiêu chí năm xuất bản của tài liệu. Hiện nay để xác minh thông tin trong môi trường số, đã có những website: Factcheck, tineye.com, tingia.gov.vn, công thông tin tiếp nhận tin giả,... trên các nền tảng số giúp sinh viên có thể kiểm chứng nguồn tin mình tiếp cận được.

2.3. Năng lực quản lý và lưu trữ thông tin số

Năng lực quản lý và lưu trữ thông tin số thể hiện được tính khoa học trong tổ chức và sắp xếp dữ liệu số của sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đã biết cách phân loại thông tin theo từng thư mục chủ đề hoặc nội dung tài liệu sau khi tải về để có thể tìm thấy và sử dụng khi cần. Tuy nhiên việc quản lý và sắp xếp thông tin không diễn ra thường xuyên, nhiều sinh viên sau một thời gian tải thông tin về và sử dụng thông tin cho công việc rồi mới đi sắp xếp lại thông tin trên máy. Việc sử dụng các công nghệ lưu trữ trực tuyến để lưu trữ thông tin cũng được ít sinh viên chú ý tới. Sinh viên đa số lưu trữ thông tin trên ổ cứng máy tính và ổ cứng di động (72,6%), lưu trữ thông tin trên địa chỉ email (23,2%) chỉ 6,3% sinh viên sử dụng Google drive, và các công cụ lưu trữ trực tuyến khác chiếm tỉ lệ rất ít (2,4%). Trong bối cảnh công nghệ lưu trữ đám mây đang phát triển mạnh mẽ, việc quản lý và lưu trữ thông tin số trực tuyến sẽ giúp cho sinh viên đồng bộ hoá dữ liệu và truy xuất thông tin một cách dễ dàng hơn. Đây là sẽ là vấn đề năng lực số cần được khuyến khích phát triển cho các khoá sinh viên hiện nay của nhà trường.

2.4. Năng lực sử dụng thông tin số

Thông tin chỉ có giá trị khi nó được khai thác, sử dụng và trao đổi, vì thế sau khi đã tìm được các thông tin phù hợp với yêu cầu tin của mình, sinh viên sẽ phải biết cách phân tích, thiết kế và sử dụng thông tin số tìm được phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu cũng như các mục đích khác của mình. Bởi nhiệm vụ của sinh viên gắn liền với các hoạt động học tập và phát triển các kỹ năng cũng như tìm tòi nghiên cứu để tiếp cận, sáng tạo ra nguồn thông tin, tri thức mới nên điều này cũng thể hiện rõ trong mục đích sử dụng thông tin số của sinh viên. Có tới 91,9% sinh viên sử dụng thông tin cho mục đích “học tập”, 45,6% sinh viên sử dụng thông tin cho mục đích “nghiên cứu”. Đây là một tỉ lệ lớn, thể hiện thái độ tốt trong việc học tập của sinh viên. Bên cạnh đó việc sử dụng thông tin cho mục đích “giải trí” và “tiếp cận thông tin mới” cũng chiếm tỉ lệ khá cao với trên 50%, điều đó cho thấy nhu cầu tin phù hợp với lứa tuổi và tính chất chuyên ngành mang tính ứng dụng đang được đào tạo ở các khoa ở Trường Đại học Khánh Hoà.

Loại hình thông tin mà sinh viên Đại học Khánh Hoà thường tìm kiếm và sử dụng đa số là các dạng thông tin điện tử. Trong bối cảnh của sự phát triển vượt bậc về công nghệ thông tin và truyền thông, việc chia sẻ thông tin của sinh viên cũng trở nên dễ dàng hơn. Sinh viên thường sử dụng các ứng dụng mạng xã hội như: facebook, zalo, instagram,... làm kênh chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau (chiếm 74,9%). Các thông tin

chia sẻ trên mạng xã hội của sinh viên thường sử dụng để cá nhân hoá việc chia sẻ cảm xúc, quan điểm, sở thích hoặc sử dụng với mục đích thương mại. Việc sử dụng thông tin được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: văn bản, hình ảnh, video,... với các nội dung đã góp phần tạo nên hình ảnh cá nhân cho mỗi sinh viên, ảnh hưởng nhiều tới sự phát triển tâm lý và giáo dục của mỗi sinh viên. Vì vậy cần có biện pháp để định hướng việc chia sẻ và sử dụng thông tin cho phù hợp để mỗi thông tin tiếp cận được hay chia sẻ trong môi trường kỹ thuật số đều tạo ra giá trị sử dụng phù hợp và thiết thực.

2.5. Hiểu biết về tính pháp lý và đạo đức sử dụng thông tin trong môi trường số

Trong thời đại chuyên đổi số, mặc dù xu hướng phát triển “mở” đang được khuyến khích ở các khía cạnh khác nhau của giáo dục như: Giáo dục mở, khoa học mở, dữ liệu mở, học liệu mở tuy nhiên những vấn đề về bảo hộ quyền tác giả và tính pháp lý khi sử dụng các nguồn thông tin số một cách hiệu quả và hợp pháp vẫn nhận được nhiều sự quan tâm. Để làm được điều này, đòi hỏi sinh viên phải có sự hiểu biết về vấn đề bản quyền và có kỹ năng trích dẫn tài liệu, lập danh mục tài liệu tham khảo. Sinh viên Trường Đại học Khánh Hoà về cơ bản có hiểu biết về bản quyền tác giả và sở hữu trí tuệ với 21,7% khẳng định “hiểu rõ” và 69,2% tỉ lệ sinh viên xác nhận “chỉ hiểu một phần”. Mặc dù nhận thức về vấn đề pháp lý có tỉ lệ lớn song việc thực hiện theo quy định bản quyền tác giả và tuân thủ luật sở hữu trí tuệ khi sử dụng thông tin số tìm được chưa cao.

Kết quả điều tra cho thấy có 71,9% sinh viên thực hiện việc trích dẫn tài liệu tham khảo khi làm các bài tiểu luận, báo cáo khoa học. Điều này cho thấy đa số các em đã nhận thức được sự cần thiết của việc trích dẫn tài liệu khi làm bài tập hoặc nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số sinh viên vẫn “liệt kê tài liệu đã đọc và không trích dẫn” (13,7%) hoặc cho rằng “bài tiểu luận, báo cáo khoa học không cần có tài liệu tham khảo” (7,8%). Thậm chí có tới 10,1% sinh viên coi việc “photocopy một cuốn giáo trình không xin phép tác giả là điều bình thường” hoặc 49,5% số lượng sinh viên được khảo sát cho rằng: “sinh viên được quyền sao chép sách để phục vụ học tập”. Thực tế này có thể lí giải vì sinh viên có biết đến quy định về bản quyền, về sở hữu trí tuệ, nhưng chưa thực sự nắm rõ hết nội dung của các quy định pháp lý này và chưa biết cách áp dụng cụ thể từng trường hợp vào thực tế. Chính điều đó dẫn tới tình trạng sinh viên không thực hiện theo quy định. Bên cạnh đó cũng có một số sinh viên đã có nhận thức, tìm hiểu thông tin về vấn đề này

tuy nhiên vẫn vi phạm do không có cơ chế xử phạt thích đáng.

3. Thảo luận

Có thể thấy hoạt động phát triển năng lực thông tin số cho sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên trường Đại học Khánh Hoà vẫn còn khá mới mẻ, nhận thức về tầm quan trọng và vai trò của vấn đề phát triển năng lực thông tin số cho sinh viên tại nhà trường đã bước đầu có sự quan tâm nhưng vẫn chưa rõ ràng và nhất quán. Qua kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên Trường Đại học Khánh Hoà về cơ bản đã biết cách nhận biết nhu cầu tin, nguồn tin, biết cách tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin số, tuy nhiên ở mức độ chưa cao. Có hơn 50% sinh viên 04 ngành được khảo sát đã từng nghe nói hoặc đã tham gia các khoá học về năng lực thông tin số theo hình thức được đào tạo trong chương trình học của nhà trường (đối với sinh viên khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn) hoặc tự tìm hiểu học (đối với sinh viên ngành Du lịch, Ngoại ngữ và Sư phạm). Như vậy, đây là thuận lợi bước đầu trong việc triển khai các chương trình đào tạo, phát triển năng lực thông tin số cho sinh viên. Tuy nhiên vẫn còn hơn 40% sinh viên chưa quan tâm đến phát triển năng lực thông tin số. Nhiều sinh viên vẫn còn lơ đãng, mơ hồ trong việc tiếp cận nguồn tri thức mà mình cần, hay chưa rõ các loại hình, dịch vụ hoạt động của thư viện để khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực thông tin số. Sinh viên chưa được trang bị cho mình các kỹ năng trong việc chủ động nhận dạng nhu cầu tin, tìm kiếm thông tin, đánh giá thông tin và hiểu biết về mặt pháp lý khi sử dụng thông tin trong học tập và nghiên cứu khoa học. Hiểu biết của sinh viên về luật sở hữu trí tuệ chưa được đầy đủ. Kỹ năng trích dẫn và việc thực hiện trích dẫn tài liệu, ý tưởng của người khác trong quá trình học tập, nghiên cứu, làm bài tập,... vẫn chưa được sinh viên chú trọng. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng các nguồn thông tin số tùy tiện, không tôn trọng bản quyền và xa hơn nữa là hình thành nạn “đạo văn” trong môi trường học tập, nghiên cứu.

Về phía nhà trường, chưa xây dựng một chương trình, kế hoạch phát triển năng lực thông tin số cho sinh viên hoàn chỉnh, gồm các tiêu chuẩn cần đạt được và cách thực hiện để các bộ phận liên quan trong toàn trường phối hợp thực hiện. Đội ngũ giảng viên giảng dạy và nghiên cứu khoa học của trường cũng chưa nhận thức đầy đủ về năng lực thông tin số để có thể vận dụng lồng ghép giáo dục kiến thức thông tin trong bài giảng và hướng dẫn thực hành của mình. Những điểm yếu đó sẽ là những cản trở khá lớn cho quá trình học tập và lĩnh hội tri thức của sinh viên trong môi trường hội nhập quốc tế

và xã hội thông tin phát triển. Những điểm yếu đó đòi hỏi phải được nhìn nhận và khắc phục kịp thời bằng một hệ thống các giải pháp đồng bộ.

Từ các phân tích và đánh giá về năng lực học thông tin số của sinh viên Trường Đại học Khánh Hoà nêu trên, bài viết xin đề xuất một số giải pháp để phát triển năng lực thông tin số cho sinh viên như sau:

3.1. Nâng cao nhận thức và phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong trường để phát triển năng lực thông tin số cho sinh viên

Nâng cao nhận thức của sinh viên về vấn đề tự tìm hiểu và trang bị cho mình kiến thức về các năng lực thông tin số để phục vụ cho quá trình học tập và nghiên cứu trong bối cảnh giáo dục trực tuyến. Bên cạnh đó cần có sự phối hợp hành động của các Phòng, Khoa, Trung tâm trong Nhà trường dưới sự điều phối của Ban Giám hiệu trong vấn đề phát triển chương trình đào tạo năng lực thông tin số cho sinh viên. Cán bộ thư viện có trách nhiệm cung cấp cho sinh viên những nguồn thông tin và các khóa học về kỹ năng thông tin số phù hợp, trong khi đó giáo viên và bộ phận tư vấn học tập lại đóng vai trò là những người khuyến khích và hướng dẫn sinh viên đạt được mục tiêu học tập độc lập và lối tư duy tích cực.

3.2. Tăng cường nội dung và thời lượng các chương trình phát triển năng lực thông tin số

Lồng ghép kiến thức năng lực thông tin số vào chương trình đào tạo và vào ngay trong các môn học, hoặc triển khai đào tạo năng lực thông tin số vào đầu mỗi năm học hoặc mỗi học kỳ. Chỉ như vậy, sinh viên mới có khả năng cơ bản để biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo ở môi trường đại học, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng học tập của mình.

3.3. Xây dựng phong cách học tập chủ động tích cực cho sinh viên

Để có thể xây dựng phong cách học tập chủ động cho sinh viên, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp và chương trình đào tạo bằng cách: Chương trình đào tạo cần bảo đảm tính hợp lý, cân đối trong cơ cấu, nội dung các môn học, thời gian đào tạo các môn học cơ bản và chuyên ngành giữa lý thuyết, thực hành, thực tập; khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu khoa học; tăng cường hàm lượng các môn học về kỹ năng trong đó có kỹ năng về phát triển năng lực thông tin số.

3.4. Nâng cao nhận thức cho sinh viên về các vấn đề đạo đức và pháp luật trong sử dụng thông tin

Trong xã hội thông tin ngày nay, sinh viên phải đối mặt với nhiều vấn đề về thông tin và sử dụng, chia sẻ thông tin như: Vấn nạn tin giả, vi phạm bản quyền tác giả, vi phạm luật sở hữu trí

tuệ,... Để có thể nâng cao nhận thức cho sinh viên về các vấn đề này, cần tăng cường các biện pháp về tuyên truyền, vận động và phổ biến các quy định pháp luật về luật thông tin và an toàn thông tin tới sinh viên. Khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi tìm hiểu về các vấn đề bản quyền tác giả, xây dựng quy chế và quy định trong việc trích dẫn, tham khảo tài liệu trong quá trình học tập và nghiên cứu.

4. Kết luận

Quá trình chuyển đổi số đã làm thay đổi đáng kể các yêu cầu đối với việc thực hiện các hoạt động giáo dục, dẫn đến nhu cầu cá nhân hóa quá trình giáo dục. Đối với sinh viên, cần phải hình thành những năng lực số mới để đảm bảo các hoạt động chất lượng cao trong môi trường giáo dục chuyển đổi số. Năng lực số và năng lực thông tin số giúp sinh viên có khả năng làm chủ các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông, khai thác tốt hơn các nguồn học liệu số, tham gia hiệu quả các chương trình giáo dục trực tuyến và kết nối dễ dàng hơn với hệ sinh thái tri thức số toàn cầu. Sinh viên có năng lực thông tin số có thể đánh giá chất lượng thông tin, biết cách khai thác hiệu quả thông tin cho việc học tập suốt đời, hình thành các kỹ năng cần thiết để trở thành một công dân số trong xã hội số. Chính vì thế có thể thấy, năng lực thông tin số sẽ góp phần dẫn tới sự thành công trong tương lai của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

1. Association of College and Research Libraries (2001), *Information Literacy: Competency Standards for Higher Education*, Retrieved from www.ala.org/ala/mgrps/divs/acrl/standards/standards.pdf
2. Bundy, A. (2004). *Australian and New Zealand Information Literacy Framework: Principles, Standards and Practice (2nd ed.)*, Adelaide, SA: Australian and New Zealand Institute for Information Literacy.
3. Đỗ Văn Hùng, Trần Đức Hoà (2021). *Khung năng lực số dành cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số*, Tạp chí Thông tin tư liệu, số 1, tr. 12-21
4. European Union (2016), *The European Digital Competence Framework for Citizens*, Publications Office of the European Union, ISBN 978-92-79-50509-6 – doi:10.2767/00458
5. Secker, J. (2018). *The trouble with terminology: rehabilitating and rethinking “digital literacy”* In *Digital Literacy Unpacked*, pp. 3-16, DOI: <https://doi.org/10.29085/9781783301997>

6. Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Truy cập tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyết-dinh-749-QĐ-TTg-2020-phe-duyet-Chuong-trinh-Chuyen-doi-so-quoc-gia-444136.aspx>

7. UNESCO (2018). *A Global framework of reference on digital literacy skills for indicator UNESCO Institute for Statistics, Information Paper No. 51, Ref: UIS/2018/ICT/IP51*

DEVELOPING THE DIGITAL INFORMATION LITERACY OF STUDENTS TO MEET THE GOAL OF DIGITAL TRANSFORMATION IN EDUCATION AT UNIVERSITY OF KHANH HOA

Bui Thi Thanh Dieu, Huynh Thi Bich Phung

University of Khanh Hoa

Abstract: *The article focuses on analyzing and identifying the information digital literacy framework of students in the context of higher education digital transformation. The article uses the quantitative analysis and survey methods to assess the digital literacy for students of University of Khanh Hoa. On that basis, it is proposed a number of solutions to build and develop digital information literacy for students to create the best preparation for the goal of digital transformation of higher education at the university.*

Keywords: *Information literacy; digital information literacy; higher education; University of Khanh Hoa*